ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 4749/QĐ-UBND	*TP. Nam Định, ngày 19 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 Dự án đầu tư xây dựng cơ sở Mỹ Xá, thành phố Nam Định của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/2/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng ban hành Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 17/09/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Nam Định đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2739/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu III (phân khu phía Tây) trên địa bàn thành phố Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 02/7/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định;

Căn cứ Nghị quyết 07/NQ-TU ngày 18/06/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về tập trung xây dựng, phát triển Thành phố Nam Định, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Văn bản số 142/QHMB-PCCC ngày 26/11/2024 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Nam Định về việc góp ý về phòng cháy và chữa cháy

Scanned with CamScanner

đối với quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án đầu tư xây dựng cơ sở Mỹ Xá, thành phố Nam Định của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 746/QĐ-UBND ngày 11/03/2025 của UBND thành phố Nam Định về việc thành lập Hội đồng thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án đầu tư xây dựng cơ sở Mỹ Xá , thành phố Nam Định của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 04/04/2025 của UBND thành phố Nam Định về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát , lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án đầu tư xây dựng cơ sở Mỹ Xá , thành phố Nam Định của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

Căn cứ Văn bản số 1431/SXD-QH ngày 16/5/2025 của Sở Xây Dựng về việc tham gia ý kiến Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án đầu tư xây dựng cơ sở Mỹ Xá , thành phố Nam Định của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

Căn cứ Thông báo số 1130-TB/TU ngày 26/5/2025 của Thành ủy Nam Định Thông báo Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa XVII (ngày 26/5/2025);

Xét Biên bản kết thúc công khai ngày 7/5/2025 được UBND phường Mỹ Xá xác nhận;

Xét Báo cáo số 568/ĐHKTKTCN-QLXD ngày 02/06/2025 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc giải trình ý kiến góp ý về hồ sơ quy hoạch chi tiết 1/500 Dự án đầu tư xây dựng cơ sở Mỹ Xá , thành phố Nam Định của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

Xét báo số 100/TĐ-KTHT&ĐT ngày 04/06/2025 của Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị thành phố về việc thông báo kết quả thẩm định quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án đầu tư xây dựng cơ sở Mỹ Xá , thành phố Nam Định của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

Xét đề nghị tại tờ trình số 570/TTr-ĐHKTKTCN ngày 09/6/2025 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án đầu tư xây dựng cơ sở Mỹ Xá, thành phố Nam Định;

Theo đề nghị tại Tờ trình số 200/TTr-KTHT&ĐT ngày 16/6/2025 của Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị thành phố về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án đầu tư xây dựng cơ sở Mỹ Xá , thành phố Nam Định của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án đầu tư xây dựng cơ sở Mỹ Xá , thành phố Nam Định của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp với các nội dung chủ yếu sau:

I. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án đầu tư xây dựng cơ sở Mỹ Xá , thành phố Nam Định của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

II. Địa điểm quy hoạch: Phường Mỹ Xá, thành phố Nam Định.

III. Chủ đầu tư: UBND thành phố Nam Định.

IV. Đơn vị lập đồ án: Công ty cổ phần tư vấn thiết kế công trình.

V. Nội dung quy hoạch:

1. Vị trí, phạm vi, ranh giới, quy mô khu vực lập quy hoạch:

Scanned with CamScanner

- Vị trí: Phường Mỹ Xá , thành phố Nam Định
- Phạm vi ranh giới:

+Phía Đông Bắc giáp quốc lộ 10;

+Phía Đông Nam giáp đường 12;

+ Phía Tây Bắc giáp khu dân cư;

+ Phía Tây Nam giáp khu dân cư.

- Quy mô khu vực lập quy hoạch:

+ Phạm vi thực hiện quy hoạch chi tiết tại phường Mỹ Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định với tổng diện tích 196.718,9 m².

+ Quy mô dân số:

Sinh viên đào tạo : 1.500-1.800 người

Giảng viên , CBCNV và NLĐ : 150-200 người

2. Quy hoạch sử dụng đất:

2.1. Bảng quy hoạch sử dụng đất

STT	Loại đất		Diện tích (m²)	Tỷ lệ (%)
A	**Diện tích lập quy hoạch**		**196.718,99**	**100,00**
	1	***Đất xây dựng công trình tính mật độ xây dựng***	***34.993,00***	***17,79***
		Nhà hiệu bộ+ Giảng đường A	4.000	
		Nhà thí nghiệm , phòng thực hành	773	
		Nhà học đa năng 1	829	
		Trung tâm giáo dục Quốc phòng An ninh	1.105	
		Nhà xưởng thực hành ô tô	857	
		Nhà học đa năng 2	829	
		Nhà học đa năng 3	829	
		Nhà học đa năng 4	829	
		Nhà học đa năng 5	829	
		Nhà học đa năng 6	829	
		Nhà học đa năng 7	829	
		Giảng đường B	1.960	
		Giảng đường C	1.960	
		Giảng đường D	1.960	
		Giảng đường E	1.960	
		Trung tâm thư viện , Nhà khách , Nhà truyền thống	2.800	
		Hội trường	2.100	
		Nhà căng tin , khu giặt quần áo	407	
		Nhà xe 1	300	
		Nhà xe 2	680	
		Nhà xe 3	820	
		Nhà kho	17	
		Ký túc xá A	1.080	

Scanned with CamScanner

STT	Loại đất		Diện tích (m²)	Tỷ lệ (%)
		Ký túc xá B	1.080	
		Ký túc xá C + Nhà ở công vụ	1.080	
		Nhà ăn + căng tin	1.856	
		Nhà điều hành	870	
		Nhà đa năng	1.525	
	2	***Đất xây dựng khu kỹ thuật***	***298***	***0,15***
	3	***Đất cây xanh***	***62.143***	***31,59***
	4	***Hồ sen***	***10.157***	***5,16***
	5	***Đất sân thể thao , giao thông – Hệ thống HTKT***	***89.127***	***45,31***
B	**Mật độ xây dựng**			**17,79%**
C	**Hệ số sử dụng đất**			**0,35 Lần**
D	**Mật độ cây xanh**			**31,59%**

2.2. Bảng thống kê hạng mục công trình

Ký hiệu	Công trình	Diện tích xây dựng (m2)	Số tầng	Diện tích sàn (m2)	Ghi chú
A	**Khu học tập , Thực hành , Điều hành**				
1	Nhà hiệu bộ + Giảng đường A	4.000	9	36.000	Quy hoạch
2	Nhà thí nghiệm , P. thực hành	773	3	2.479	Hiện trạng
3.1	Nhà học đa năng 1	829	2	1.658	Hiện trạng
3.2	Trung tâm giáo dục Quốc phòng An ninh	1.105	2	1.663	Quy hoạch
3.3	Nhà xưởng thực hành ô tô	857	2	1.081	Quy hoạch
3.4	Nhà học đa năng 2	829	1	829	Qiện trạng
3.5	Nhà học đa năng 3	829	1	829	Qiện trạng
3.6	Nhà học đa năng 4	829	1	829	Quy hoạch
3.7	Nhà học đa năng 5	829	1	829	Quy hoạch
3.8	Nhà học đa năng 6	829	1	829	Quy hoạch
3.9	Nhà học đa năng 7	829	1	829	Quy hoạch
4.1	Giảng đường B	1.960	5	9.800	Quy hoạch
4.2	Giảng đường C	1.960	5	9.800	Quy hoạch
4.3	Giảng đường D	1.960	5	9.800	Quy hoạch
4.4	Giảng đường E	1.960	5	9.800	Quy hoạch
5.1	Trung tâm thư viện , Nhà khách , Nhà truyền thống	2.800	5	14.000	Quy hoạch
5.2	Hội trường	2.100	3	6.300	Quy hoạch
6	Nhà căng tin , Khu giặt quần áo	407	1	407	Hiện trạng
7.1	Nhà xe 1	300	1	300	Hiện trạng
7.2	Nhà xe 2	680	1	680	Quy hoạch

Scanned with CamScanner

Ký hiệu	Công trình	Diện tích xây dựng (m2)	Số tầng	Diện tích sàn (m2)	Ghi chú
7,3	Nhà xe 3	820	1	820	Quy hoạch
8	Nhà kho	17	1	17	Hiện trạng
B	**Khu kỹ thuật**				
9.1	Nhà bảo vệ 1	40	1	40	Hiện trạng
9.2	Nhà bảo vệ 3,4,6	72	1	72	Quy hoạch
10	Trạm biến áp khô 3200 KVA	42	1	42	Hiện trạng
11.1	Nhà vận hành	14	1	14	Hiện trạng
11.2	Nhà bơm	20	1	20	Hiện trạng
11.3	Nhà hóa chất	38	1	38	Hiện trạng
12	Bể xử lý nước thải	105	1	105	Hiện trạng
13	Nhà chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại	72	1	72	Hiện trạng
14	Bể nước PCCC	144	1	144	Hiện trạng
15	Hệ thống lọc nước sinh hoạt	78	2	156	Hiện trạng
C	**Khu nhà ở sinh viên , giáo viên**				
16.1	Ký túc xá A	1.080	5	5.400	Quy hoạch
16.2	Ký túc xá B	1.080	5	5.400	Quy hoạch
16.3	Nhà ở công vụ + ký túc xá C	1.080	5	5.400	Quy hoạch
17	Nhà ăn + Căng tin	1.856	2	2.456	Quy hoạch
D	**Khu thể thao**				
18	Nhà điều hành	870	5	4.350	Quy hoạch
19	Nhà đa năng	1525	1	1.525	Quy hoạch
20	Sân bóng rổ	600		600	Quy hoạch
E	**Đất cây xanh , Thảm cỏ -Hồ sen**	72.300			
21	Cây xanh - thảm cỏ	33.251		33.251	Quy hoạch
22.1	Hồ sen	5.112		5.112	Hiện trạng
22.2	Hồ sen	5.045		5.045	Quy hoạch
23	Thao trường huấn luyện	24.734		24.734	Quy hoạch
24	Đồi thông	4.158		4.158	Hiện trạng

3. Tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan và thiết kế đô thị:

3.1. Đất xây dựng các hạng mục công trình tính MĐXD:

- Từ các khu đất được định hình bởi các công trình hiện có. Mặt tiền các khu trung tâm phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học đảm bảo mỹ quan kiến trúc toàn khu vực Trường.

- Tổng diện tích đất xây dựng các hạng mục công trình theo quy hoạch: 34.993,00 m²

3.2. Cây xanh , bồn hoa:

- Bố trí xung quanh trường học nhằm cách ly trường học với các khu dân dụng xung quanh. Cây xanh, đường dạo, bồn hoa trong trường học cũng làm

Scanned with CamScanner

nhiệm vụ tạo lập cảnh quan, điều hòa không khí, đảm bảo môi trường trong lành trong khu vực trường học và các khu vực xung quanh.

- Tổng diện tích cây xanh , bồn hoa theo quy hoạch: 62.143,00 m²,

3.3. Đất xây dựng nhà bảo vệ, nhà phụ trợ và công trình HTKT:

- Nhà bảo vệ vị trí ở đầu cổng phụ và cổng chính vào trường học.
- Các nhà phụ trợ gồm vị ví bố trí máy phát điện, máy bơm...
- Các công trình phụ trợ, HTKT gồm Trạm điện, nhà phụ trợ, bể xử lý nước thải, ... bố trí phù hợp với công năng sử dụng.

3.4. Đất công trình giao thông, sân bãi, hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

- Hệ thống giao thông được quy hoạch với diện tích lớn nhằm tạo nên hệ thống giao thông thuận tiện, rộng rãi. Ngoài ra, các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác được bố trí đan xen các chức năng chính để bộ máy của trường hoạt động đồng bộ, linh hoạt, hiệu quả
- Diện tích giao thông, sân bãi, hệ thống HTKT theo quy hoạch: 87.800,30 m²

4. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

4.1. Quy hoạch hệ thống giao thông:

- Xây dựng các trục đường giao thông hoàn thiện nền, mặt đường, vỉa hè, cây xanh.

+ Quy hoạch đường giao thông trục ngang khu đất, đường N1, N2, N3, N4, N5, N6, N7 và các đường trục dọc D1, D2, D3, D4, D5, D6, D7.

+ Quy hoạch đường giao thông trục chính vào khuôn viên trường học đường N6 có mặt cắt 1-1:

Bề rộng nền đường: 16,50m gồm 2 làn đường có mặt cắt 1-1.

Bề rộng mặt đường: 10,50m.

Bề rộng hè mỗi làn: 2 x 3,0m = 6,0m.

+ Quy hoạch đường giao thông nội bộ trục ngang khu đất, đường D6 có mặt cắt đường 2-2:

Bề rộng nền đường: 15,5m.

Bề rộng mặt đường: 9,5m.

Bề rộng hè: 2 x 3,0m = 6,0m.

+ Quy hoạch đường giao thông nội bộ trục dọc khu đất, đường N1, N5, D2, D7 có mặt cắt đường 3-3:

Bề rộng nền đường: từ 14,7m đến 15,0m:

Bề rộng mặt đường: 9,0m.

Bề rộng hè: 1 bên từ 2,5m đến 3,0m và 1 bên 3,0m

+ Quy hoạch đường giao thông nội bộ trục ngang khu đất, đường D1, D3, D4, N2, N3, N4 có mặt cắt đường 4-4:

Bề rộng nền đường: từ 11,0m đến 13,0m.

Bề rộng mặt đường: 5,0m.

Bề rộng hè: 1 bên từ 3,0m đến 5,0m và 1 bên 3,0m

+ Quy hoạch đường giao thông nội bộ trục ngang khu đất, đường N7 có mặt cắt đường 5-5:

Bề rộng nền đường: từ 10,0m đến 10,5m.

Bề rộng mặt đường: 5,0m

Bề rộng hè: 1 bên từ 2,5m đến 3,0m và 1 bên 2,5m.

Scanned with CamScanner

* Hướng tuyến và cao độ thiết kế:

- Mạng lưới giao thông của trường đại học được thiết kế theo dạng ô bàn cờ phù hợp với hiện trạng và thuận tiện cho giao thông nội bộ.

- Cao độ thiết kế tim các tuyến đường : 2,20m.

4.2. Quy hoạch san nền:

- Trong quá trình khảo sát hiện trạng, để có giải pháp quy hoạch cao độ nền phù hợp với tình hình biến đổi khí hậu, phù hợp với quy hoạch. Cao độ được sử dụng trong đồ án quy hoạch sử dụng hệ cao độ Quốc gia VN-2000 theo quy định.

- Diện tích san nền trong lô: ~137.376,00m2, chiều cao san lấp trung bình 2,15m.

- Dọn dẹp mặt bằng trong phạm vi trước khi san nền

- Đắp cát đen và đất tận dụng đào đường giao thông toàn bộ mặt bằng xây dựng, cao độ san lấp từ +2,2 -:- +2,50, với độ dốc là i=0,5% đảm bảo thoát nước tự chảy và mối liên hệ hữu cơ giữa nền với các tuyến đường bao quanh khu đất.

- Về độ chặt đầm nén của nền đắp: toàn bộ khu vực đắp cát hoặc đất đầm chặt với độ chặt K = 0,85.

4.3. Quy hoạch thoát nước:

a. Quy hoạch thoát nước mưa: Giải pháp quy hoạch mạng lưới thoát nước mưa đạt được yêu cầu dựa trên các nguyên tắc:

- Tận dụng tối đa địa hình tự nhiên để bố trí thoát nước tự chảy.

- Nước mưa được xả nhanh nhất vào nguồn tiếp nhận của khu vực.

- Tuân thủ hiện trạng tiêu thoát, các hướng thoát nước hiện có, gắn kết với các công trình thuỷ lợi đã định hình để không phải cải tạo thay đổi các khu vực nằm ngoài dự án. Cơ bản không làm thay đổi tính chất thoát nước của khu vực.

- Hệ thống thoát nước mưa phải bao trùm toàn bộ các khu vực xây dựng, bảo đảm thu và tiêu thoát tốt lượng nước mưa rơi trên khu vực dự án và có tính tới một phần lưu vực lân cận dự án (nếu có).

- Không làm ảnh hưởng tới vệ sinh môi trường.

- Không xả nước vào những chỗ trũng không có khả năng tự thoát nước, vào các ao tù nước đọng và vào các vùng dễ bị xói mòn.

**** Giải pháp thoát nước mưa:*** Căn cứ trên tính chất công trình của khu vực dự án, nước mưa được thu gom theo hướng từ giữa ra biên của dự án. Hệ thống thoát nước mưa bao gồm:

- Bố trí mạng lưới cống tròn BTCT đúc sẵn D400, D600, D1000 (cống trên hè tải trọng VH, cống dưới lòng đường tải trọng HL93) thoát nước mưa theo dạng nhánh, chạy dọc theo các lô đất quy hoạch, thu gom nước mặt và tập trung đấu nối vào hệ thống cống thoát nước hiện có. Hiện trạng xung quanh trường (vị trí cửa xả xem Bản đồ quy hoạch thoát nước mưa).

- Thu gom nước mặt trên đường sử dụng hố ga thăm nước mưa và hố ga thu kết hợp thăm nước mưa.

- Hệ thống thoát nước mưa gồm hệ thống cống dọc tuyến đường đặt dưới vỉa hè, cống qua đường, cửa xả.

b. Quy hoạch thoát nước thải: Giải pháp quy hoạch mạng lưới thoát nước thải tuân thủ Quy hoạch thoát nước thải chung, phân khu và quy hoạch thoát nước thải phân khu phường Mỹ Xá, thành phố Nam Định đã được phê duyệt và thực hiện xây dựng. Cụ thể:

Scanned with CamScanner

**** Giải pháp thoát nước thải:***

- Hệ thống thoát nước thải bao gồm đường ống thoát nước thải là Cống D300, D400 thu nước từ các công trình có nước thải chảy về cống D300, D400 chảy về bể xử lý nước thải kết hợp với các hố ga thu nước với mật độ trung bình 30 - 40m/hố. Các ống tròn được thiết kế với chiều sâu chôn ống tối thiểu tính từ mặt đường/hè đến đỉnh cống tối thiểu là 50cm. Độ dốc ống tròn tối thiểu là 1/D (D là đường kính ống mm); Với một số đoạn cống có chiều dài lớn, có châm trước độ dốc tối thiểu để giảm chiều sâu chôn cống và tiết kiệm kinh phí, đảm bảo an toàn cho công trình. Nước sau khi được xử lý được xả ra tại 1,0 vị trí đã được chấp thuận.
- Mạng lưới cống thu gom nước thải được bố trí sau các công trình đảm bảo thu gom dẫn về bể xử lý nước thải.

**** Các hạng mục chính:***

- Cống thoát nước thải: Hệ thống cống thoát nước thải dự kiến sử dụng là cống uPVC chôn ngầm trong đất. Cống có đường kính từ D300mm đến D400mm.
- Hố ga: Hố ga thoát nước thải đặt tại các vị trí cống đổi hướng, vị trí tiếp nhận nước thải từ công trình và các vị trí khác sao cho đảm bảo khoảng cách tối đa là 30m/ga. Hố ga thoát nước thải dự kiến xây bằng gạch, trát trong và chống thấm đảm bảo theo tiêu chuẩn. Nắp ga bằng vật liệu phù hợp đảm bảo ngăn mùi theo quy định.

4.4 Chất thải rắn và quy hoạch thu gom chất thải rắn, vệ sinh môi trường:

- Tiêu chuẩn phát sinh chất thải rắn:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: 1,3 kg/người-ngày.

- Dự báo khối lượng chất thải rắn:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: 2,6 tấn/ngày.

+ Khác: Tạm tính 20% lượng chất thải rắn sinh hoạt: 2,6x0,2 = 0,52 tấn/ngày.

- Tổng lượng chất thải rắn: 3,12 tấn/ngày.
- Quy hoạch thu gom, xử lý chất thải rắn: Chất thải rắn sinh hoạt trong khu vực được thu gom bởi Công ty môi trường đô thị Thành phố Nam Định. Chất thải cần được phân loại tại nguồn thành chất thải rắn vô cơ (kim loại, thuỷ tinh, giấy, nhựa...) và chất thải rắn hữu cơ (thực phẩm thừa, rau, quả, củ...). Hai loại này được để vào bao chứa riêng. Chất rắn vô cơ được tận dụng đem đi tái chế. Chất thải rắn hữu cơ được thu gom hàng ngày đem đi xử lý tại khu xử lý chất thải rắn của Thành phố.
- Trong các khối nhà và khu vực khuôn viên các khối nhà bố trí các thùng gom chất thải rắn dọc theo các đường dạo, các điểm vui chơi giải trí để khách tiện sử dụng.
- Chất thải rắn được hệ thống quản lý toàn nhà thu gom tập trung vào khu vực riêng và hàng ngày Công ty Môi trường sẽ thu gom chất thải rắn vào hai buổi sáng và tối.
- Trạm xử lý nước thải hiện trạng với công suất 110m3/ngđ. Trạm xử lý sử dụng công nghệ sinh học kết hợp với các phương pháp vật lý và hóa học để đảm bảo tiêu chuẩn nước thải đầu ra theo quy định hiện hành trước khi xử ra nguồn tiếp nhận.

Scanned with CamScanner

4.5. Quy hoạch cấp nước : Nguồn cấp nước cho ô đất quy hoạch được lấy từ đường ống cấp nước hiện trạng của khu vực.

+ Ống cấp nước sử dụng ống HDPE D110 cấp nước vào bể nước.

+ Từ bể nước bơm nước qua hệ thống mạng lưới tuyến ống chính HDPE D300, D200 và các tuyến ống nhánh HDPE 110, D90, D76,.. cấp nước cho hệ thống sử dụng nước toàn dự án.

Trên các vị trí cao nhất của mạng lưới đường ống có bố trí van xả khí D25. Tại những điểm thấp nhất có bố trí van xả cặn D50mm.

Tại các nút của mạng lưới bố trí van khóa để có thể sửa chữa từng đoạn ống khi cần thiết. Các tuyến ống cấp nước được bố trí trên mặt bằng phù hợp với quy định so với các tuyến kỹ thuật ngầm khác.

4.6. Quy hoạch cấp điện:

a. Hệ thống cấp điện sinh hoạt:

Nguồn cấp điện: Hệ thống đường dây cung cấp điện cho các công trình được đấu nối trực tiếp từ trạm biến áp khô 3200KVA hiện có phía Bắc của Trường.

- Nguồn cấp từ tủ điện tổng tại TBA bao gồm các đường dây 22/0.4KV đến các nhà được đi dưới rãnh cáp ngầm ngoài nhà chôn trực tiếp dưới đất được bảo vệ bằng gạch chỉ, băng cảnh báo cáp ngầm và mốc sứ.

b. Hệ thống cấp điện chiếu sáng:

Xây dựng mới hệ thống đèn điện chiếu sáng công cộng dọc theo các tuyến đường nội bộ của Trường: Sử dụng bộ đèn LED chiếu sáng đường 100W lắp đặt trên cột thép mạ kẽm cao 7m.

Hệ thống chiếu sáng sử dụng tủ điều khiển chiếu sáng tự động 2 chế độ đặt tại nhà bảo vệ. Cấp nguồn 0,4kV cho hệ thống chiếu sáng từ nguồn 0,4KV tại TBA của Trường. Cáp từ tủ phân phối 0,4KV của TBA đến tủ điều khiển chiếu sáng sử dụng cáp đồng ngầm (4x6)mm2 luồn trong ống nhựa xoắn HDPE chôn trực tiếp trong đất. Cáp từ tủ điều kiển chiếu sáng đến các vị trí cột đèn chiếu sáng sử dụng cáp đồng ngầm luồn trong ống nhựa xoắn chôn trực tiếp trong đất.

4.7. Đường dây và đường ống kỹ thuật: Các tuyến đường dây, đường ống kỹ thuật được bố trí chôn sâu dưới mặt hè, mặt đường nội bộ trong khuôn viên của dự án:

- Các tuyến điện sinh hoạt, chiếu sáng khoảng 0,5 - 0,7m.
- Hệ thống truyền hình Cáp và thông tin liên lạc được đi ngầm trong các đường ống kỹ thuật.
- Các đường ống cấp nước sâu khoảng 0,7m - 1,0m.
- Các đường ống thoát nước bẩn đặt sâu tối thiểu 0,8m, tối đa 5,0m và xác định theo độ dốc dọc cống.
- Các cống thoát nước mưa đặt sâu tối thiểu tính đến đỉnh cống 0,7 - 0,8m và xác định theo độ dốc dọc cống.
- Tại các điểm giao cắt giữa các hệ thống với nhau tại các ngả giao nhau sẽ xử lý theo nguyên tắc ưu tiên công trình tự chảy.

4.8. Quy hoạch hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động:

- Nguồn cấp cho dự án được đấu nối vào hệ thống thông tin liên lạc của khu vực phía ngoài ranh dự án kết nối với tuyến đường xung quanh. Chi tiết sẽ được

Scanned with CamScanner

thỏa thuận với nhà cung cấp dịch vụ địa phương trong các bước tiếp theo của dự án.

- Hệ thống đường dây cáp quang đi trong ống nhựa HDPE chôn ngầm đồng bộ với hệ thống hạ tầng khác.

- Lựa chọn cấu trúc mạng: Tất cả các cáp chính và cáp phối đều là cáp quang. Thiết bị đầu cuối mạng quang đặt tại các phòng kỹ thuật của khu vực nhà cao tầng phù hợp công năng kiến trúc.

(Có hồ sơ chi tiết kèm theo)

5. Giải pháp bảo vệ môi trường:

Thực hiện đồng bộ các giải pháp quản lý, kiểm soát và bảo vệ môi trường; Các giải pháp phòng ngừa và giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên, xã hội trong quá trình triển khau và thực hiện quy hoạch. Góp phần đảm bảo sự phát triển bền vững khu vực trong tương lai.

6. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch:

Việc quản lý thực hiện quy hoạch được quy định cụ thể trong "Quy định quản lý quy hoạch chi tiết 1/500 Dự án đầu tư xây dựng cơ sở Mỹ Xá , thành phố Nam Định của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp" kèm theo đồ án này.

7. Hạng mục ưu tiên đầu tư và nguồn lực để thực hiện:

Đầu tư xây dựng đồng bộ các hạng mục theo quy hoạch.

Nguồn lực để thực hiện: Ngân sách trung ương, Bộ chủ quản và vốn góp của nhà trường.

8. Tổ chức thực hiện:

Giao Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị thành phố Nam Định phối hợp cùng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp tổ chức công khai quy hoạch theo quy định. Quy hoạch được duyệt tại Điều 1 là cơ sở pháp lý cho việc quản lý xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND- UBND thành phố; Thủ trưởng các đơn vị: Phòng Tài chính Kế hoạch, Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị, Phòng Tài nguyên và Môi trường; Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp, UBND phường Mỹ Xá, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Lãnh đạo UBND TP;
- Sở Xây dựng;
- Như điều 2;
- Lưu VT; ĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Huy Thành

Scanned with CamScanner